

NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN TÔN GIÁO CỦA VIỆN NGHIÊN CỨU TÔN GIÁO TRONG 30 NĂM QUA (1991-2021)

Nhập đề

Có thể nói sự ra đời của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, nay thuộc Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam vào đúng thời điểm “đêm trước của sự Đổi Mới” nhận thức, đường lối, chính sách tôn giáo ở Việt Nam. Tôi nói “đêm trước” dù rằng về mặt hình thức, tôi không hề quên rằng Viện Nghiên cứu Tôn giáo chính thức được thành lập năm 1991, nghĩa là khi Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ Chính trị, một *dấu son* một bước đột phá của sự đổi mới về nhận thức luận, đường lối, chính sách tôn giáo ở nước ta vừa được thông qua vào tháng 10/1990. Điều đó có nghĩa là ở thời điểm tranh tối tranh sáng ấy, một sứ mệnh lịch sử nếu có thể nói như vậy với Viện Nghiên cứu Tôn giáo là nó phải góp phần trước hết vào việc “giải quyết nốt” những vấn đề lý luận căn bản về tôn giáo, tín ngưỡng, điều mà, oái ăm thay đúng thời điểm đó, sự sụp đổ của khối xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu vừa xảy ra.

Chúng tôi đưa ra nhận xét về thời điểm lịch sử ấy, nhiệm vụ phải vượt qua cái “đêm trước của sự Đổi mới” là thử thách đầy khó khăn đối với Đảng, Nhà nước chúng ta với tư cách là những nước xã hội chủ nghĩa ít ỏi còn sót lại, cũng như với Viện Nghiên cứu Tôn giáo đầu tiên của nước ta vừa chào đời, kết quả của những ý tưởng đổi mới gần như đi trước một bước của những người lãnh đạo trong ngành khoa học xã hội và quyết định sáng suốt của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

* GS.TS., Viện trưởng Viện Nghiên cứu Tôn giáo giai đoạn 2001-2007.
Ngày nhận bài: 21/7/2021; Ngày biên tập: 13/8/2021; Duyệt đăng: 15/9/2021.

Nhân dịp 30 năm thành lập Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1991-2021), chúng tôi muốn góp phần nhỏ của mình vào việc nhìn lại chặng đường nghiên cứu lý luận tôn giáo học của Viện, theo đó, chúng tôi có thể phân kỳ thành 3 giai đoạn sau đây:

Giai đoạn 1: Định nghĩa và Nhận thức lại về “Tôn giáo, Tín ngưỡng”.

Giai đoạn 2: Từ tôn giáo học Macxit đến các chân trời khác.

Giai đoạn 3: Từ nghiên cứu lý thuyết đến nghiên cứu ứng dụng, thực tiễn.

1. Định nghĩa và Nhận thức lại về “Tôn giáo, Tín ngưỡng”

Có thể nói những năm đầu tiên sau khi thành lập của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, GS. Đặng Nghiêm Vạn, người sáng lập Viện đã có một định hướng nghiên cứu đúng đắn đó là phải bắt đầu từ việc tập trung sức lực của Viện trong việc “định nghĩa lại”, “nhận thức lại” theo xu hướng đổi mới về tôn giáo, tín ngưỡng, mà vào thời điểm đó, như đã nói ở trên, dường như hơi thở, nhận thức của xã hội, nhất là của đội ngũ cán bộ, đảng viên, trước hết là những người có liên quan đến công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, mới đang ở thời điểm “đêm trước của sự Đổi Mới”.

Với kinh nghiệm nghiên cứu của mình, vị Viện trưởng này đã chọn điểm nhấn chính xác khi tìm cách “đọc lại” những di sản lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin và ý kiến của những nhân vật chính trị và học thuật tiêu biểu. Cuốn sách *Về tôn giáo* (1994), tập 1, của Viện Nghiên cứu Tôn giáo chứng tỏ điều này như trong lời giới thiệu của chính GS. Đặng Nghiêm Vạn “Những ý kiến của các tác giả nêu trên rõ ràng không phải là tiếng nói cuối cùng và càng không nên xem là không cần thảo luận. Việc trích nhiều đoạn ý kiến của C. Mác và Ph. Ăngghen về Feurbach và việc trích chương quan trọng nhất trong tác phẩm của L. Feurbach được C. Mác và Ph. Ăngghen đánh giá cao, hay việc trích hai cách giải thích không hẳn giống nhau của Ph. Castrô và S. V. Rojo về câu nói của C. Mác “tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”, là chủ ý của người giới thiệu muốn đề ngỏ cho người có ý kiến của mình khi suy xét một vấn đề phức tạp như vấn đề tôn giáo”¹.

Dường như muốn nỗ lực khắc phục cách hiểu giáo điều luận đề đã thành “công thức” của các giáo trình tôn giáo thời Xô Viết “tôn giáo là một hình thái ý thức và một thực tại xã hội” và “nhận thức hư ảo”, trong cuốn sách tiếp theo đó của Viện, với mong muốn “nên hiểu tôn giáo theo nghĩa rộng”, GS. Đặng Nghiêm Vạn đã tự đưa ra định nghĩa của riêng mình: “... đối tượng chung nhất của tôn giáo, Tây cũng như Đông, là thế giới siêu nhiên vô hình được chấp nhận một cách trực giác và tác động qua lại một cách hư ảo giữa con người và thế giới đó nhằm lí giải những vấn đề trên trần thế, cũng như thế giới bên kia trong những hoàn cảnh lịch sử, địa lí khác nhau, của từng cộng đồng tôn giáo hay xã hội khác nhau”².

Mặc dù khuynh hướng “tôn giáo theo nghĩa rộng” như một cách khắc phục, cách hiểu chỉ được coi là tôn giáo khi nó sinh ra trong xã hội có giai cấp hoặc buộc phải có những yếu tố về giáo lý, giáo luật và tổ chức... đến nay vẫn còn có những tranh luận, nhưng những công trình có tính khai phá của Viện Nghiên cứu Tôn giáo thời điểm nói trên, đến nay vẫn được sự quan tâm nhất định của bạn đọc, giới nghiên cứu, đặc biệt là trong việc giảng dạy, đào tạo tôn giáo học ở các trường đại học, các học viện³. Sự thật thì sự đổi mới chính sách tôn giáo ở Việt Nam bắt đầu từ năm 1990, còn ở Trung Quốc từ năm 1982. Trong khoảng thời gian đó, giới học thuật Trung Quốc đã tận dụng sự mở cửa về tư tưởng, không chỉ kết thúc tốt đẹp “cuộc chiến tranh nha phiến” (tức cuộc tranh luận 10 năm “tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân”, luận đề nổi tiếng của C. Mác trong tác phẩm *Góp phần phê phán triết học pháp quyền Hegels* năm 1843), mà còn tổ chức dịch thuật giới thiệu các tác giả có quyền uy về tôn giáo học của phương Tây, như: M. Weber, É. Durkheim,... Viện Nghiên cứu Tôn giáo cũng có bước đi của mình để góp phần “lấp khoảng trống lý luận” về tôn giáo học (thời điểm ấy, tại các học viện và trường đại học vẫn tiếp tục dùng các giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, trong đó có một bài giảng về tôn giáo với điểm nhấn vẫn là sự khẳng định *chủ nghĩa vô thần khoa học*). Kết quả đầu tiên theo hướng này là việc làm từ điển chuyên ngành tôn giáo và chọn dịch những tác phẩm tôn giáo học “đổi mới” của các tác giả Trung Quốc. Rõ nhất là nỗ lực của Trần Nghĩa Phương với *Thuật ngữ tôn giáo (Anh - Việt - Pháp)*. Ngoài ra,

cùng với việc ra đời Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo (số 1, tháng 9/1999), dần dần xuất hiện những bài dịch, nghiên cứu của các tác giả trẻ của Viện, hoặc bên ngoài, như: Trần Mạnh Đức, Nguyễn Kim Hiền, muộn hơn là Trần Anh Đào, Hoàng Thị Bích Ngọc, Hoàng Văn Chung, Nguyễn Xuân Nghĩa,...

Cũng cần lưu ý rằng, khi Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh có quyết định thành lập *Viện Nghiên cứu Tín ngưỡng Tôn giáo* (năm 2002), thì Viện Nghiên cứu Tôn giáo không còn “đơn độc” nữa, vì rằng, rất tự nhiên, mảng nghiên cứu đường lối chính sách tôn giáo (lúc đầu chủ yếu qua nghiên cứu văn kiện), với những tác giả, như: PGS. Ngô Hữu Thảo, PGS.TS. Nguyễn Đức Lữ,... Tuy vậy, ảnh hưởng thực sự của Viện Nghiên cứu Tôn giáo về phương diện “nhận thức lại định nghĩa tôn giáo” cũng có những mặt rất không dễ dàng. Chẳng hạn, khi GS. Ngô Đức Thịnh, chuyên gia về Đạo Mẫu, tổ chức cuộc trao đổi ở Viện thì PGS. Nguyễn Duy Hình, một chuyên gia hàng đầu của Viện lúc đó đã cho rằng, nếu “Đạo Mẫu là tôn giáo thì nó là *tôn giáo dưới chuẩn*”...

Tác phẩm *Tôn giáo ở Việt Nam hiện nay lý luận và thực tiễn* (2003) của GS. Đặng Nghiêm Vạn thực sự là tập đại thành của cây bút này về những gì đã diễn ra ở Viện theo đường hướng nghiên cứu mở đầu của Viện mà ông đau đầu bao năm. Đến nay, đọc lại tập sách này người ta vẫn có thể ghi nhận một số luận điểm độc đáo của ông khi có luồng không khí đổi mới. Chẳng hạn, ngoài ý tưởng nhận thức mới về định nghĩa tôn giáo mới nói trên⁴, những nhận định của ông về một số đặc điểm lớn của tôn giáo, đời sống tôn giáo ở nước ta, đặc biệt là những nhận xét bước đầu của ông về “Hiện tượng tôn giáo mới” (ông thích dùng từ Đạo lạ) mới xuất hiện ở nước ta từ cuối những năm 1980, đến nay vẫn còn có giá trị nhất định.

Bước sang đầu thế kỷ XXI, vấn đề tôn giáo một lần nữa lại đứng trước thách thức của một làn sóng mới mẽ toàn cầu, đó là xu hướng toàn cầu hóa, bắt đầu từ lĩnh vực kinh tế, chính trị...

Trong bối cảnh đó, tiếp tục những thành tựu đầu tiên của Viện trong lĩnh vực lý luận, từ năm 2002, đã xuất hiện thêm những công trình, trực tiếp đi sâu vào di sản của chủ nghĩa Mác - Lênin về tôn

giáo. Có thể kể ra chuyên luận của Đỗ Quang Hưng “Nhận thức mới về chủ nghĩa Mác và tôn giáo”⁵, trong đó tác giả đưa ra ý tưởng cơ bản: Chủ nghĩa Mác về tôn giáo không chỉ là thông điệp “tôn giáo là thuốc phiện” của nhân dân, mà còn “hơn cả thuốc phiện”. C. Mác đã trải qua ba giai đoạn phê bình tôn giáo (phê bình triết học, phê bình chính trị và phê bình kinh tế) với rất nhiều luận điểm căn bản khác, rất giá trị mà do hoàn cảnh lịch sử khách quan, khi Liên Xô và khối xã hội chủ nghĩa chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa giáo điều, tả khuynh về tôn giáo đã “lược bỏ” chúng...

Nói cách khác, việc nhận thức lại chủ nghĩa Mác về tôn giáo ở thời điểm đó là rất quan trọng không chỉ thuộc phạm vi lý luận về tôn giáo học mà còn là câu chuyện bảo vệ một đường hướng chính trị nhạy cảm lúc đó. Một mặt, “cao hơn thuốc phiện” là ở chỗ, chúng ta cần khẳng định một lần nữa triết học C. Mác (cả Ph. Ăngghen nữa) về tôn giáo là ở tầm cỡ triết lý duy vật biện chứng liên quan đến những cam kết với các định đề sau:

1. Thế giới vật chất tồn tại một cách độc lập với ý thức của con người.
2. Nếu không phải là toàn bộ hay tuyệt đối thì kiến thức về thế giới theo đó đã thực sự đạt được.
3. Con người là một phần của tự nhiên nhưng là một phần riêng biệt.
4. Thế giới vật chất không bắt nguồn trong trường hợp đầu tiên từ suy nghĩ của con người, mà ngược lại, suy nghĩ của con người bắt nguồn từ thế giới vật chất.

Những định đề này không hề làm ảnh hưởng hay xóa bỏ luận điểm then chốt của C. Mác, Ph. Ăngghen: tôn giáo như là sự tha hóa, dù rằng luận điểm này cùng với tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân chịu nhiều áp lực tranh cãi, và tư duy thực dụng “cao hơn thuốc phiện” của Mác còn là ở chỗ nó dựa trên hai ý tưởng đặc sắc là: ý tưởng về tôn giáo là sản phẩm của xã hội và lịch sử và sự đòi hỏi phương pháp duy vật khi giải thích các vấn đề của tôn giáo. Thêm nữa, “cao hơn thuốc phiện” còn là ở chỗ C. Mác, Ph. Ăngghen luôn đặt nó trong mối quan hệ của nhu cầu cá nhân (tính tôn giáo) trong

mối quan hệ tôn giáo, chính trị và xã hội. Cần nhắc lại rằng thời trẻ, trước năm 1844, C. Mác đã viết về vấn đề Do Thái, bệnh vực về sự giải phóng người Do Thái và phác họa những nguyên tắc chính trị tôn giáo của một nhà nước thế tục. Ph. Ăngghen đã góp những nghiên cứu thú vị về sự phát triển lịch sử và vai trò của Kito giáo trong Chiến tranh nông dân ở Đức; Chống Duhring và đặc biệt Lịch sử đạo Cơ Đốc sơ kỳ. Trong các tác phẩm ấy đủ để chứng minh rằng, C. Mác, Ph. Ăngghen không bao giờ tiếp cận các giáo lý, giáo phái, giáo hội và các xung đột xã hội ở phương diện đối mặt với giá trị, cũng không bao giờ đối xử với chúng như sự điên rồ đối trá được quyền bính Giáo hội thực hành, mà ngược lại luôn coi chúng như những sự phản ánh bị xuyên tạc và thể hiện của các nhu cầu của lợi ích xã hội thực sự... Cuối cùng, “hơn cả thuốc phiện” còn là ở chỗ quan điểm tôn giáo và chủ nghĩa xã hội mà C. Mác, Ph. Ăngghen, V. I. Lênin tiên liệu đã từng bị công kích dữ dội nhất là trong thời kỳ chiến tranh lạnh, nhưng đến nay vẫn còn đó sự ủng hộ và bảo vệ của những người Mác xít phương Tây/Marxologie: “Không thể tránh khỏi sự nhận thức chung của thế giới phương Tây về thái độ Mác xít đối với tôn giáo từng chịu ảnh hưởng khá lớn bởi kinh nghiệm của các chế độ kiểu Stalin ở nước Nga, Đông Âu, Trung Quốc, Cu Ba, Bắc Triều Tiên,... Dù sao, đường lối ấy của các chế độ này cũng không thể đại diện đầy đủ cho chủ nghĩa xã hội hoặc chủ nghĩa C. Mác đích thực trong vấn đề tôn giáo” (John Molyneux, 2008). Những quan điểm, quan niệm về tôn giáo của C. Mác, Ph. Ăngghen, và sau nữa là V. I. Lenin đã được PGS. Nguyễn Đức Sự tuyển chọn và giới thiệu trong hai cuốn sách: C. Mác, Ph. Ăngghen về vấn đề tôn giáo (Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1999) và Mác, Ăngghen, Lênin bàn về tôn giáo (Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2001).

Tiến thêm một bước, chúng tôi nghĩ rằng, cần phải có thêm cách nhìn: Nhận thức đổi mới về tôn giáo còn phải đi từ một căn gốc khác, coi nó thuộc *phạm trù lịch sử tư tưởng*. Chính vì thế, cuốn sách *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam - Lý luận và thực tiễn* đã đi theo lối này. Một mặt, cuốn sách ghi nhận, đánh giá lại lịch sử nhận thức của những người lãnh đạo Đảng Cộng sản Việt Nam qua nhiều

thế hệ (từ Hồ Chí Minh, Lê Hồng Phong đến Trường Chinh, Lê Duẩn,... sau này)⁶.

Một nghiên cứu đáng chú ý những năm gần đây cho thấy “dư chấn” của cuộc hành trình “nhận thức mới về tôn giáo” của Viện Nghiên cứu Tôn giáo là trường hợp TS. Nguyễn Quốc Tuấn. Với cách tiếp cận tôn giáo, tín ngưỡng ở góc độ nhân học văn hóa, tác giả đã một lần *Nhận thức lại về các khái niệm “tín ngưỡng” và “tôn giáo” từ góc độ nghiên cứu tôn giáo* (Tập chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 8, 2013). Năm 2014, TS. Nguyễn Quốc Tuấn có một bài viết đáng chú ý hơn *Tiếp cận hệ thống về thực thể tôn giáo: Một cách nhìn khác về tôn giáo* (Tập chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3, 2014). Tác giả có cách đặt vấn đề rất đúng rằng, “khái niệm thực thể tôn giáo như một cách nhìn thực tiễn về hiện tượng tôn giáo trong thực tế nhằm khắc phục cách nhìn tôn giáo như một hình thái ý thức xã hội thuần túy”.

Dựa trên ý tưởng nghiên cứu của Jean Delumeau trong cuốn *Le Fait Religieux* (Thực thể tôn giáo), với định nghĩa tôn giáo dựa trên 5 đặc tính: Lịch sử, Tập thể, Vật thể, Biểu tượng và Kinh nghiệm... từ đó tác giả đưa ra luận lý, cần phải trở về với việc nhận thức tôn giáo *như một thực thể*, trong đó bao gồm cấu trúc một tôn giáo mà người đọc hoàn toàn hiểu được vẫn dựa trên định nghĩa căn bản tôn giáo của Durkheim. Thực tiễn đào tạo nghiên cứu sinh, học viên cao học những năm qua của Viện cho thấy bài viết này có những giá trị tích cực nhất định trong phương pháp học tập và đào tạo.

Như vậy là, giai đoạn đầu tiên của việc nghiên cứu lý luận của Viện cũng đã diễn ra khoảng hơn 10 năm, dù rằng lĩnh vực này vốn là đặc thù của một viện chuyên ngành như Viện Nghiên cứu Tôn giáo. Dù ở mức độ khác nhau, nhưng Viện Nghiên cứu Tôn giáo cũng có thể tự hào rằng họ đã có hướng đi đúng đắn từ buổi đầu thành lập Viện và quan trọng hơn nó đã có ảnh hưởng nhất định trong giới nghiên cứu, đào tạo và thậm chí cả trong việc nâng cao nhận thức xã hội và người quản lý nhà nước về tôn giáo.

2. Từ tôn giáo học Mác xít đến các chân trời khác

Có những lý do đặc biệt trong việc nghiên cứu các vấn đề tôn giáo từ đầu thế kỷ XXI. Các cuộc xung đột ý thức hệ chính trị có xu hướng

giảm dần khi nó từng chế ngự ở thế kỷ XX, nhưng sự đưng độ về ý tưởng tôn giáo hay văn hóa thì có vẻ tăng lên. Thế giới bước vào giai đoạn thay đổi nhanh chóng và dữ dội. Toàn cầu hóa, cuộc cách mạng truyền thông càng thúc đẩy sự phá vỡ các đường biên giới, thay đổi thành phần hay toàn bộ các cộng đồng, ngay cả các quốc gia. Sự nổi kết, thương mại, di trú, sự di chuyển của con người khiến cho các nền văn hóa, tôn giáo đối mặt nhau trên toàn cầu, mặc dù quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng được xác tín trong Tuyên ngôn Nhân quyền của Liên Hợp Quốc 1948, nhưng xem ra các cộng đồng tôn giáo lại khó khăn hơn trong việc thực hành tín ngưỡng của họ, bởi bản thân niềm tin tôn giáo nhiều khi đã trở nên đồng nghĩa với sự thù ghét đối lập, bên cạnh đó ở nhiều khu vực những giới hạn của chính phủ về tôn giáo và thù địch xã hội dựa trên cơ sở khác biệt về tôn giáo tăng lên.

Trong tình hình đó, một lần nữa cho thấy các lý thuyết nghiên cứu về tôn giáo lại có những biến đổi mạnh mẽ như một bằng chứng cho sự phát triển của chính đời sống tôn giáo trên thế giới. Như những đợt sóng liên tục, các dòng lý thuyết ấy được lưu truyền, lan rộng mà theo đánh giá chung của nhiều học giả quốc tế thì ít nhất có 5 loại khuynh hướng lý thuyết có sức ảnh hưởng lớn hơn cả: Lý thuyết Nhận thức (Cognition), Lý thuyết Lựa chọn Hợp lý (Rational Choice), Lý thuyết Kinh tế tôn giáo (Religious Economy), Lý thuyết Nhạy cảm (Sensitivity), và Hiện tượng luận Tôn giáo (Phenomenology of Religion),...

Ở các mức độ khác nhau, dường như Viện Nghiên cứu Tôn giáo đã có ý thức khá chủ động đón nhận điều này để hoạch định các hướng chiến lược nghiên cứu mới về lý thuyết và thực tiễn, dù rằng không phải bất cứ trường hợp nào cũng đã có ý thức về sự chủ động.

Cần nói thêm rằng, suy cho cùng mục tiêu chung của các lý thuyết về tôn giáo đều hướng tới 3 câu hỏi cơ bản: (1) Tôn giáo là gì và nó sẽ làm gì? (2) Tôn giáo phục vụ điều gì cho các cộng đồng có tôn giáo, nhất là khi nó có những “khác biệt” với đời sống thực tế nói chung? (3) Bản thân tôn giáo phát triển thế nào và tại sao nó lại tồn tại. Các khuynh hướng lý thuyết về tôn giáo từ thời Nguyên thủy, thời kỳ Trung cổ đến nay có rất nhiều, nhưng đại thể có thể phân ra thành hai loại lý thuyết. Loại được gọi là *Lý thuyết riêng* (Substantive theories)

để trả lời câu hỏi Tôn giáo là gì. Loại *Lý thuyết chức năng* (Functional) hay *Giảm lược* (Reductionist theories) để trả lời câu hỏi Tôn giáo làm những gì. Đối với Viện Nghiên cứu Tôn giáo, những năm đầu thường nghiêng về loại Lý thuyết riêng (ngay cả trong Giai đoạn 2 này). Trong những năm đó, ngoài việc tiếp tục cung cấp những lý thuyết về định nghĩa tôn giáo thì xuất hiện ngày một nhiều hơn những lý thuyết về các loại hình tôn giáo, tín ngưỡng (các tác giả Xô Viết như Tocarev,...) cho đến Tylor, Frazer, M. Eliade. Bản thân các tác giả của Viện cũng nghiên cứu theo hướng này, dù rằng với thể giới thì nó đã trôi qua khá lâu. PGS. Nguyễn Duy Hình cũng bắt đầu từ việc bàn về cái *Thiêng* và cái *Phàm*... Với đà nghiên cứu lý thuyết, chẳng bao lâu Viện đã có thể công bố những công trình đầu tiên về lý thuyết tôn giáo học, chẳng hạn: *Một số bài viết về tôn giáo học* (Nguyễn Duy Hình, 2007); *Mấy vấn đề về Tôn giáo học và giảng dạy Tôn giáo học* (Nguyễn Hồng Dương chủ biên, 2010); *Nghiên cứu tôn giáo: Nhân vật và sự kiện* (Đỗ Quang Hưng, 2010); *Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Nguyễn bàn về tôn giáo - nghiên cứu, sưu tầm, chú giải* (Đỗ Quang Hưng, 2008);...

Năm 2001, lần đầu tiên Viện Nghiên cứu Tôn giáo tổ chức Hội thảo cấp quốc gia về “Hiện tượng tôn giáo mới”. Có thể nói đây là một trong những kết quả rõ nét nhất trong việc hợp tác quốc tế quan trọng đầu tiên của Viện với EFEO (Trường Cao đẳng thực hành Sorbonne, Paris). Ảnh hưởng của trường phái nghiên cứu tôn giáo của Pháp bắt đầu hiện rõ ở Viện từ năm 1999 với các chủ đề đa nguyên, đa dạng tôn giáo và *thể chế Laique* của nước Pháp trong tương quan so sánh với Việt Nam. Cho đến nay, những nghiên cứu trong cuộc Hội thảo về “Hiện tượng tôn giáo mới” nói trên, từ việc đánh giá truyền thống về giáo hội, giáo phái, định nghĩa tôn giáo mới, cho đến ba nhận định đầu tiên về sự xuất hiện hiện tượng này ở Việt Nam từ cuối những năm 1980 đến nay vẫn còn giá trị, được giới nghiên cứu đón nhận.

Những năm tiếp theo của giai đoạn này, Viện chú trọng hơn trong việc giới thiệu nghiên cứu các khuynh hướng lý thuyết về các chiều kích của tôn giáo, đặc biệt 3 phạm trù cơ bản của đời sống tôn giáo, đó

là: Tôn giáo và Chính trị, Tôn giáo và Xã hội, Tôn giáo và Văn hóa. Trên Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo liên tục xuất hiện những bài như thế, có thể là dịch thuật hoặc các tiểu luận nghiên cứu từ Ngô Quốc Đông, Hoàng Văn Chung, Nguyễn Kim Hiền, Trần Mạnh Đức, Trần Anh Đào... Cần nhắc đến những đóng góp về thể loại này của TS. Nguyễn Xuân Nghĩa, một cộng tác viên đặc lực trong chuyên mục Lý thuyết của Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo với nhiều bài viết đáng chú ý như: Các chiều kích của tôn giáo, Tâm thức tôn giáo, Tôn giáo dân sự. Và nhất là những bài viết về chủ đề cập nhật với thời sự nước ta, như: Thế tục hóa; Chủ nghĩa thế tục;...

Nhận thức mới về tôn giáo, cùng sự kích thích của những lý thuyết nghiên cứu tôn giáo hiện đại và những nỗ lực của cá nhân khiến Viện Nghiên cứu Tôn giáo giai đoạn này có được nhiều sách chuyên khảo có giá trị. Khá nổi bật là tác giả Nguyễn Duy Hình với những tác phẩm như: *Tìm hiểu Đạo giáo ở Việt Nam*; *Thành hoàng làng*; *Tuệ Trung thượng sĩ*; *Văn minh Đại Việt*;... PGS. Lê Trung Vũ qua tác phẩm dày dặn *Lễ hội Hà Nội* đã thể hiện những nét mới trong vận dụng lý thuyết Hình thái học trong sự phân loại các loại hình tín ngưỡng gắn với lễ hội.

Việc đẩy mạnh nghiên cứu các tôn giáo lớn, như: Công giáo, Phật giáo và đặc biệt là đạo Tin Lành cũng gắn với các lý thuyết nghiên cứu đương đại, như: Lý thuyết Lựa chọn hợp lý, Lý thuyết Nhận thức, và thậm chí cả Lý thuyết Nhạy cảm. Cũng như sự kết hợp các quan điểm đổi mới đường lối đổi mới chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước. Điều đáng nói, cách nghĩ truyền thống *Tôn giáo cơ bản là thế giới quan* (Ejizu, 2008) đã dần dần được khắc phục khi nó được đối chiếu với rất nhiều các chiều kích khác trong xã hội hiện đại. Nói thêm rằng, do thế mạnh vốn có của đội ngũ cán bộ, sự kết hợp giữa triết học tôn giáo, lịch sử tôn giáo và văn hóa tôn giáo cũng là một “đặc điểm” của công tác lý luận của Viện. Hiện nay, những cây bút như PGS.TS. Chu Văn Tuấn cũng là một ví dụ của sự tiếp nối truyền thống này⁷.

Nhận thấy sự “Thức tỉnh tôn giáo” ở Việt Nam, cùng với sự đổi mới chính sách tôn giáo cởi mở, khích lệ, tạo điều kiện cho các tổ chức và cá nhân tôn giáo, khiến cho rất nhiều tôn giáo lớn ở Việt Nam

như có sự phục hưng, và những vấn đề đặt ra của chúng, chuyên mục lý luận của Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo có sự phát triển ngày càng rõ nét hơn. Một mặt, Tạp chí kiên trì giới thiệu lý thuyết và thực tiễn đổi mới chính sách tôn giáo ở Việt Nam và các nước gần gũi về đời sống xã hội và tôn giáo, như: Trung Quốc, các nước Đông Nam Á, nước Nga hậu Xô Viết, đặc biệt là những vấn đề Nhà nước và Tôn giáo ở Pháp, Mỹ - hai mô hình tiêu biểu của Nhà nước thế tục hiện đại,...

Mặt khác, các nhà nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Tôn giáo cũng đã chú tâm hơn vào các vấn đề tôn giáo có tính lý thuyết và thực tiễn cao. GS.TS. Đỗ Quang Hưng đề cập đến “Toàn cầu hóa tôn giáo”, từ vĩ mô đến vi mô (“Thu hẹp vai trò lãnh thổ quốc gia”; “Tái cấu trúc bên trong của các tôn giáo”; “Đảo lộn địa truyền giáo”;...); Những biểu hiện mới về đa nguyên tôn giáo ở Việt Nam; Tái cấu trúc đời sống tôn giáo; Cá thể hóa niềm tin tôn giáo;... TS. Hoàng Văn Chung, bên cạnh việc giới thiệu và nghiên cứu về hiện tượng tôn giáo mới đã đề cập đến hiện tượng tôn giáo mới mẻ, đó là: “Đa dạng hóa tôn giáo”, “Tái tạo không gian thiêng”; “Tôn giáo và Sinh thái học”;... PGS.TS. Chu Văn Tuấn khi nghiên cứu giá trị tôn giáo từ phương diện triết học đã có cái nhìn khá mới mẻ từ góc độ của các chủ thể, từ chủ thể cá nhân, cộng đồng, đến chủ thể xã hội. Tất cả nhằm làm rõ thêm sâu sắc hơn một luận điểm đổi mới nhận thức tôn giáo của Đảng ta về giá trị văn hóa và đạo đức của tôn giáo có nhiều điểm phù hợp với xã hội hiện đại.

3. Từ nghiên cứu lý thuyết đến nghiên cứu ứng dụng, thực tiễn

Đối với việc nghiên cứu tôn giáo ở nước ta, phạm trù tôn giáo và chính trị xã hội cho đến nay vẫn có thể được coi là mối quan tâm lớn bậc nhất của giới nghiên cứu và giới chính trị, nhà quản lý. Có lẽ, ngược lại, từ phía các tổ chức tôn giáo cũng chia sẻ cách nhìn này, có điều từ chỗ đứng khác mà thôi.

Về phương diện lý thuyết, nếu như những năm đầu thế kỷ XXI, Viện Nghiên cứu Tôn giáo vẫn ưu tiên cho việc nghiên cứu mối quan hệ giữa Nhà nước và Giáo hội với suy nghĩ phương pháp có tính mặc định là *cái cốt lõi của chính sách tôn giáo là mối quan hệ giữa Nhà nước và các tổ chức tôn giáo*. Cho đến năm 2005, Viện đã có nhiều công trình nghiên cứu theo hướng này, mà cuốn mở đầu là cuốn *Nhà*

nước và Giáo hội (Đỗ Quang Hưng chủ biên, 2003); *Vấn đề tôn giáo trong cách mạng Việt Nam - Lý luận và thực tiễn* (Đỗ Quang Hưng, 2005); *Chính sách tôn giáo thời Tự Đức (1848-1883)* (Nguyễn Ngọc Quỳnh, 2010).

Có một điểm đáng chú ý mà chúng tôi có thể xem như *một bước ngoặt* của việc nghiên cứu lý thuyết tôn giáo học của Viện là, để có thể nghiên cứu tốt hơn, hiệu quả hơn vấn đề *Tôn giáo và chính trị xã hội*, các nhà khoa học của Viện từ năm 2010 đã *vượt qua* vũ trụ luận lý thuyết của những Émile Durkheim (1858-1917) với lý thuyết “tôn giáo là sự phản ánh mối quan tâm đối với xã hội”; Max Weber (1864-1920) với tìm hiểu các quá trình hợp lý hóa, thế tục hóa và “sự biến đổi”, “tôn giáo có thể là một động lực thay đổi xã hội”, tất nhiên cả của M. Eliade (1907-1986); R. Otto (1869-1937); E. B. Tylor (1832-1917) và J. G. Frazer (1854-1941) nữa;...

Những lý thuyết nghiên cứu tôn giáo hiện đại hơn, cập nhật hơn với đời sống tôn giáo và xã hội hiện đại. Chẳng hạn, sự tiếp tục của lý thuyết *Lựa chọn hợp lý* (Rational choice theory) của R. Stark (1934 -) và W. S. Bainbridge (1940 -) với sự khu biệt 4 mô hình sùng bái: mô hình bệnh lý tâm lý học; mô hình doanh nghiệp; mô hình xã hội và mô hình mặc khải thông thường. Những lý thuyết mới như vậy sẽ giúp chúng ta hiểu và có thể giải thích được xu hướng đa dạng, đặc biệt là đa dạng tôn giáo đã xâm nhập vào hệ hình tôn giáo nước ta. Đặc biệt với lý thuyết *Kinh tế tôn giáo* (*Theory of Religious Economy*), bắt đầu từ M. Müller (1975), đã đưa ra khái niệm “nền kinh tế tôn giáo” (một thị trường có cung và cầu); khi cung cấp “tôn giáo và sản phẩm của nó” đã tạo ra nền kinh tế tôn giáo kể cả cạnh tranh tín đồ và phát triển doanh nghiệp; nền kinh tế tôn giáo chỉ xuất hiện khi có sự lựa chọn tự do và đa dạng, đa nguyên tôn giáo. Lý thuyết này đã giúp không ít những nghiên cứu đầu tiên của Viện về “nguồn lực tôn giáo” mà chúng tôi sẽ nhắc cụ thể dưới đây.

Cuối cùng cũng phải ghi nhận sự kích thích của một lý thuyết khác, *lý thuyết nhạy cảm* (*sensitivity*), giúp chúng ta mở rộng tầm nhìn một lần nữa về các *chiều kích tôn giáo* mà Viện đã rất quan tâm từ hơn 10 năm trước. Steven Raiss (2000) đã cung cấp lý thuyết về 16 thiên

hướng cơ bản của con người liên quan đến hành vi tôn giáo cũng như những nhu cầu cơ bản của họ: quyền lực, độc lập, tò mò, trật tự, tiết kiệm, danh dự, lý tưởng, tiếp xúc xã hội, địa vị, lãng mạn, ăn uống, sự yên tĩnh,...

Tất nhiên là những di sản có tính nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, đặc biệt trong mối quan hệ với chính trị và xã hội vẫn luôn được “tái nhận thức và phát huy” bên cạnh những công trình nghiên cứu về tôn giáo truyền thống của Việt Nam của Nguyễn Duy Hinh, Nguyễn Mạnh Cường về Đạo giáo, Phật giáo; Nguyễn Quốc Tuấn về Phật giáo thế kỷ XX; về Công giáo của Nguyễn Hồng Dương, Ngô Quốc Đông, Nguyễn Thị Quế Hương, Nguyễn Thị Thu Hằng; Tin Lành của Nguyễn Xuân Hùng, Vũ Thị Thu Hà; Đặng Thế Đại về các tôn giáo nội sinh ở Nam Bộ⁸;

Sự xuất hiện nhiều công trình về tôn giáo và xã hội hiện đại chịu ảnh hưởng rõ nhất của các khuynh hướng lý thuyết mới nói trên, chẳng hạn công trình *Đa dạng tôn giáo ở Việt Nam hiện nay: Những vấn đề lý luận và thực tiễn* của Nguyễn Thị Minh Ngọc, Nxb. Phương Đông, 2016; Hoàng Văn Chung (*New Religions and State's response to Religious Diversification in Contemporary Vietnam*, Nxb. Springer, 2017). Nhưng có lẽ nghiên cứu lý thuyết để đóng góp vào thực tiễn rõ rệt nhất vào dịp cả nước chuẩn bị cho Đại hội XIII của Đảng năm 2021 là đóng góp tích cực của Viện Nghiên cứu Tôn giáo trong việc nghiên cứu lý thuyết và thực tiễn “nguồn lực của tôn giáo”, điều mà Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ Chính trị đã nhấn mạnh rằng “phát huy những giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của tôn giáo trong quá trình phát triển đất nước”.

PGS.TS. Chu Văn Tuấn cũng đã sớm có bài *Một số vấn đề lý luận về nguồn lực tôn giáo*, trong đó tác giả tiếp cận nguồn lực này từ lý thuyết vốn xã hội và sự phát triển. Tác giả đưa ra luận đề “không nghi ngờ gì nữa, tôn giáo có thể tạo ra vốn xã hội. Đây là nguồn lực có thể khai thác cho sự phát triển xã hội, nhất là phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo như Ngân hàng Thế giới nhận định”⁹.

PGS.TS. Nguyễn Hồng Dương cũng đưa ra quan điểm “nguồn lực tôn giáo suy cho cùng có hai nội dung: nguồn lực tinh thần và nguồn lực vật chất”¹⁰. Đỗ Quang Hưng lại xác định nguồn lực tôn giáo trong cái nhìn hiện đại là sự kết hợp của 4 loại hình: nguồn lực kinh tế (nền *kinh tế tôn giáo*), nguồn lực cung cấp dịch vụ công, nhất là y tế, giáo dục và an sinh xã hội, nguồn lực văn hóa đạo đức và cuối cùng, một nguồn lực mới được “phát hiện”, đó là tôn giáo có khả năng cao trong cung ứng dịch vụ tâm linh, an ninh sinh tồn, sức khỏe,...¹¹.

Kết luận

Công việc tổng kết hoạt động nghiên cứu lý luận của Viện Nghiên cứu Tôn giáo trong 30 năm qua là một việc không dễ dàng gì. Tác giả bài viết này xin các bạn đồng nghiệp, học trò, các anh chị công tác ở Viện nhiều thể hệ thứ lỗi nếu như chúng tôi còn bỏ sót những thông tin, những đóng góp của ai đó.

Nhưng người viết, với tư cách là người trong cuộc, xin có nhận định rằng, Viện Nghiên cứu Tôn giáo trong 30 năm qua đã thực sự là Viện chuyên ngành đầu tiên và một thời gian khá dài là duy nhất đã chứng tỏ được rằng, nó là cơ quan chuyên môn *đi đầu trong công tác nghiên cứu lý luận về tôn giáo học*, từ đó đã có thể cung cấp ít nhiều những luận cứ khoa học, đặc biệt là phương pháp nghiên cứu cho xã hội, phục vụ trực tiếp cho công cuộc đổi mới đường lối chính sách tôn giáo 30 năm qua của Đảng và Nhà nước ta.

Ba mươi năm qua, trên thế giới cũng có những thay đổi to lớn trong sự phát triển của các khuynh hướng lý thuyết nghiên cứu tôn giáo và tôn giáo học nói chung. Từ khi thành lập đến nay, với định hướng đúng và quán triệt quan điểm tiếp thu và phát huy học thuyết Macxit, Tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo, quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về tôn giáo, tín ngưỡng, Viện có những nước đi thích hợp trong việc *thâu hóa* các trường phái nghiên cứu lý thuyết quốc tế tiêu biểu, để cố gắng gây dựng một phong cách - chắc là còn xa mới nói chuyện trường phái - nghiên cứu tôn giáo học của Viện, cũng như của đất nước.

Thành tựu và những bài học kinh nghiệm trong công tác nghiên cứu lý luận chắc hẳn cũng là một phần căn bản trong thiên chức

chuyên môn của Viện Nghiên cứu Tôn giáo, vì thế chúng ta cũng có thể tự hào và tin tưởng để bước tiếp./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Đặng Nghiêm Vạn (1994), *Lời Giới thiệu, Về Tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 8-9.
- 2 Xem: *Những vấn đề lý luận và thực tiễn tôn giáo ở Việt Nam* (Đặng Nghiêm Vạn, chủ biên) Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 23.
- 3 Ở thời điểm thập niên 90 của thế kỉ XX, dường như việc định nghĩa tôn giáo chủ yếu vẫn đóng khung trong hai khuynh hướng, đó là các kiểu định nghĩa bản thể luận và lối định nghĩa chức năng luận. Hiện nay, khi tôn giáo học đã bước vào giai đoạn mới được gọi là “khoa học mới về tôn giáo học” (new social) thì một lần nữa định nghĩa tôn giáo lại được mở rộng hơn nữa.
- 4 Chúng tôi đã nói về quan điểm “tôn giáo mở rộng” của ông, trong cuốn sách này ông khẳng định, thờ cúng tổ tiên là một “đạo dân tộc”, “tôn giáo dân tộc”, cần duy trì và phát huy nó như một chỗ dựa văn hóa tinh thần, thậm chí hệ tư tưởng để khắc phục những tiêu cực, trái chiều của một số tôn giáo khác ở nước ta. Đây là một quan điểm đến nay tất nhiên vẫn còn gây tranh luận, thậm chí không chỉ trong nội bộ giới chuyên môn.
- 5 Bài viết này được in trong Giáo trình của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
- 6 Độc giả có thể xem thêm cuốn *Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Nguyễn về tôn giáo*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội, 2008. Chúng tôi cũng phát hiện rằng Đào Duy Anh (cuốn sách *Tôn giáo* của ông in năm 1938 ở Hà Nội) với bút danh Vệ Thạch mà tôi được gia đình cụ Đào tặng lại, lần đầu tiên được nghiên cứu giới thiệu, đã phản ánh những quan điểm Mác xít mới mẻ của ông về tôn giáo. Còn Nguyễn Văn Nguyễn cũng như chí sĩ Nguyễn An Ninh trước đó là những người đầu tiên dịch Mác về tôn giáo và xã hội học tôn giáo đưa vào Việt Nam.
- 7 Xem: Chu Văn Tuấn, *Giá trị tôn giáo từ phương diện triết học* trên Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo số 01/ 2014, hoặc bài viết: *Quan điểm của J.P.Sartre và Phật giáo về bản chất người* cũng của tác giả này trên Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo số 07/2018 .
- 8 Xem: Đặng Thế Đại (2018), *Tín ngưỡng nội sinh Việt Nam qua cái nhìn văn hóa học*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 9 Chu Văn Tuấn (2020), bài đã dẫn trong cuốn *Nguồn lực Tôn giáo – Kinh nghiệm trên thế giới và Việt Nam*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, tr. 111.
- 10 Nguyễn Hồng Dương (2020), Nguồn lực tôn giáo - Chiều kích gia đình Công giáo, trong cuốn *Nguồn lực tôn giáo*, Sđd, tr. 450. Xem thêm bài của Nguyễn Hồng Dương trong *Tạp chí Công tác tôn giáo*, số 10 (2015),

hoặc số 55 tháng 9 năm 2018, *Tạp chí Lý luận và thực tiễn* của Hội đồng Lý luận Trung ương để biết rõ hơn quan điểm của tác giả về nguồn lực tôn giáo.

- 11 Những quan điểm này cũng đã có ảnh hưởng nhất định trong giới nghiên cứu. Xem: Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện Tôn giáo và Tín ngưỡng (2020), *Nguồn lực tôn giáo: Kinh nghiệm trên thế giới và Việt Nam*, bài của Ts. Vũ Trường Giang, Lê Na, tr. 451. Từ năm 2012, trên *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, Đỗ Quang Hưng đã công bố bài *Tôn giáo cũng là một nguồn lực trí tuệ*, một khía cạnh đặc biệt về lý thuyết này.

Abstract

RESEARCH ON THE THEORY OF RELIGION OF THE INSTITUTE FOR RELIGIOUS STUDIES OVER 30 YEARS (1991-2021)

Do Quang Hung

The Former Director of Institute for Religious Studies, VASS

On the occasion of the 30th anniversary of the establishment of the Institute for Religious Studies, Vietnam Academy of Social Sciences we would like to make a contribution to the review of the Institute's research on the theory of religion. We can divide it into the following 3 stages:

Stage 1: Definition and Re- awareness of "Religion, Belief".

Stage 2: From the Marxist view of religion to other viewpoints.

Stage 3: From theoretical research to applied and practical research.